

Bản án số: **91/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/03/2022

V/v: *Ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Anh**, Bà **Nguyễn Thị Luận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly**- Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 03 N 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 398/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 N 2021 về việc “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 N 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh N 1989. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh N 1987. (Vắng mặt)

Đều trú tại: thôn PY, xã TY, huyện CM, Thành phố HN.

NHẬN THẤY:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Hữu N, sinh N 1987 tại UBND xã TY, huyện CM, ngày 12 tháng 01 N 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến vài N gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống không hòa hợp, hay xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ 30/4/2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị H và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Hiếu M, sinh ngày 30/3/2010. Hiện tại cháu M đang ở với anh N. Chị H nhường quyền nuôi con cho anh N.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Hữu N trong quá trình làm việc tại Tòa án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N có đăng ký kết hôn với chị H tại UBND xã TY vào N 2009. Quá trình chung sống, vợ chồng cùng nhau làm ăn kinh tế bình thường. Đến vài N gần đây, do công việc làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Chị H không quan tâm đến chồng con, muốn ra ở riêng cho tự do nên chị H đã tự ý bỏ nhà đi, anh N có nhiều lần khuyên bảo chị H về nhưng chị không về. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm anh N xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đồng ý vì muốn hai vợ chồng cùng giải quyết, tháo gỡ một số vấn đề trong quá trình vợ chồng cùng chung sống. Sau đó thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Hiếu M, sinh ngày 30/3/2010. Hiện tại, cháu M đang ở với anh N, được anh chăm sóc đầy đủ. Nguyên vọng của anh là đề nghị được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh N đề nghị Tòa án kéo dài thời hạn giải quyết vụ án để anh được suy nghĩ thêm và sẽ liên lạc trao đổi với chị H. Nếu vợ chồng không tự giải quyết được thì anh sẽ có đơn yêu cầu và cung cấp các tài liệu chứng cứ đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án:

3.1. Bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ anh Nguyễn Hữu N trình bày: Anh N và chị H kết hôn từ N 2009. Quá trình anh chị chung sống thì nhiều N đầu không có mâu thuẫn gì lớn. Một vài N gần đây thì anh chị có một số mâu thuẫn một phần lý do từ mâu thuẫn kinh tế gia đình. Cụ thể mâu thuẫn như thế nào thì bà không biết dẫn đến việc anh chị ly thân từ vài tháng nay. Quan điểm của bà B muốn các con hòa giải đoàn tụ về ở với nhau. Về con chung thì chị H anh N có 1 con chung là Nguyễn Hữu Hiếu M. Bà đề nghị nếu anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa giao con chung cho anh N và ông bà nuôi dưỡng. Về tài sản, công nợ chung của anh chị như thế nào thì bà không biết.

3.2. Ông Nguyễn Hữu V là bố đẻ chị Nguyễn Thị H trình bày: Anh N và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã TY. Sau khi kết hôn thì anh chị sống hạnh phúc mấy N đầu. Nhiều N gần đây thì anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể mâu thuẫn là gì thì ông V không biết. Quá trình chị H ly thân với anh N và nộp đơn ly hôn thì anh V có sang nhà ông khuyên bảo chị H về nhưng chị H không về. Khi anh N không khuyên bảo được chị H thì anh có hành vi đe dọa chị H. Ông V có quan điểm là cha mẹ nào cũng muốn các con sống vui vẻ, hạnh phúc. Tuy nhiên việc chị H nộp đơn ly hôn và mâu thuẫn giữa hai anh chị thì là việc của cá nhân anh chị, do anh chị tự giải quyết, ông không tham gia ý kiến gì thêm. Về con chung thì anh chị có 1 con chung là Nguyễn Hữu Hiếu M hiện đang ở cùng anh N. Về tài sản công nợ của anh chị thì ông không biết.

3. Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa:

- Ý kiến của Nguyên đơn: Chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh N. Chị H đề nghị tiếp tục giao con chung Nguyễn Hữu Hiếu M cho anh N nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung nếu trong quá trình anh N nuôi con nếu có đề nghị thì chị sẽ đáp ứng. Về tài sản chung chị H không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Hiếu M cho anh Nguyễn Hữu N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng do anh N không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Hữu N về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – anh Nguyễn Hữu N có cư trú tại xóm M, thôn PY, xã TY, huyện CM, HN, nên Tòa án Nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 14/01/2022 Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng anh N vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh N tiếp tục vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hữu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TY, huyện CM, HN N 2009 nên hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống, vài N gần đây do làm ăn khó khăn nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị H đã bỏ đi và vợ chồng ly thân từ ngày 30/4/2021 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Trước yêu cầu của chị H xin ly hôn, anh N không đồng ý nhưng anh không có pH án nào để anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng, thực tế các bên cũng xác nhận anh chị cũng ly thân từ nhiều tháng nay không về chung sống với nhau. Chị H cương quyết đề nghị xin ly hôn anh N. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị H xin ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình N 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng chị H và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Hiếu M, sinh ngày 30/3/2010. Cháu M đang ở với anh N và anh N có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu M đang ở

ổn định với bố nên việc giao cháu cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng cháu M là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh N không yêu cầu nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh N trong quá trình giải quyết vụ án, anh N trình bày muốn Tòa án kéo dài thời hạn giải quyết để có thêm thời gian suy nghĩ và trao đổi bàn bạc với chị H. Tuy nhiên suốt quá trình Tòa án giải quyết anh N không trình bày quan điểm, không có yêu cầu chia tài sản chung, công nợ chung vợ chồng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa anh N đều vắng mặt và không có yêu cầu, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến quan điểm của anh N, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Trong trường hợp anh N có gửi đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết về phân tài sản chung, công nợ chung trong thời kỳ hôn nhân với chị H thì sẽ xem xét bằng một vụ án khác.

2.4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự N 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình N 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu Hiếu M, sinh ngày 30/3/2010.

Giao con chung Nguyễn Hữu Hiếu M cho anh Nguyễn Hữu N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi quyết định khác.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ được đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0075435 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, HN.

Án xử công khai sơ thẩm chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND Tp. HN;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã TY, huyện CM
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVÀ – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Dũng